

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021

Kính gửi: Quý cổ đông

Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, tôi xin được báo cáo cho toàn thể quý cổ đông về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021 như sau:

I. Tình hình kinh tế vĩ mô năm 2020 và triển vọng năm 2021:

1. Kinh tế thế giới:

Đầu năm 2020, giới chuyên gia từng lạc quan đưa ra dự báo về những gam màu sáng trong bức tranh triển vọng kinh tế thế giới. Tuy nhiên, tất cả đã thay đổi khi đại dịch Covid -19 xuất hiện. Sức tàn phá ghê gớm của dịch Covid -19 là đòn giáng “chí mạng” vào nền kinh tế thế giới. Đại dịch trở thành “sát thủ vô hình” đẩy nền kinh tế toàn cầu vốn đang trong giai đoạn phục hồi mong manh sa lầy vào đợt suy thoái tồi tệ nhất kể từ Chiến tranh Thế giới thứ Hai. Chưa bao giờ mọi hoạt động kinh tế - xã hội từ công nghiệp, giao thông vận tải đến các lĩnh vực dịch vụ, vui chơi giải trí... kéo theo lực lượng lao động ước tính hơn 3 tỷ người đồng loạt bị ảnh hưởng. Kinh tế thế giới bỗng chốc “bốc hơi” hàng nghìn tỷ USD, kéo theo không ít thành quả gây dựng trong nhiều năm qua bị tiêu tan. Theo số liệu của một số viện nghiên cứu kinh tế trên thế giới, mức độ tăng trưởng kinh tế thế giới trong năm 2020 giảm khoảng từ 5-7% so với mức độ tăng trưởng trung bình của kinh tế thế giới trong các năm trước và kinh tế thế giới cần thời gian ít nhất từ 2-3 năm để khôi phục lại được nhịp độ tăng trưởng ở thời trước khi dịch bệnh bùng phát và lây lan. Những nền kinh tế lâu nay chưa giải quyết được các vấn đề và bất cập mang tính cơ cấu cũng như phụ thuộc nhiều nhất vào ngành dịch vụ thì đều bị ảnh hưởng tiêu cực nặng nề nhất.

2. Kinh tế Việt Nam:

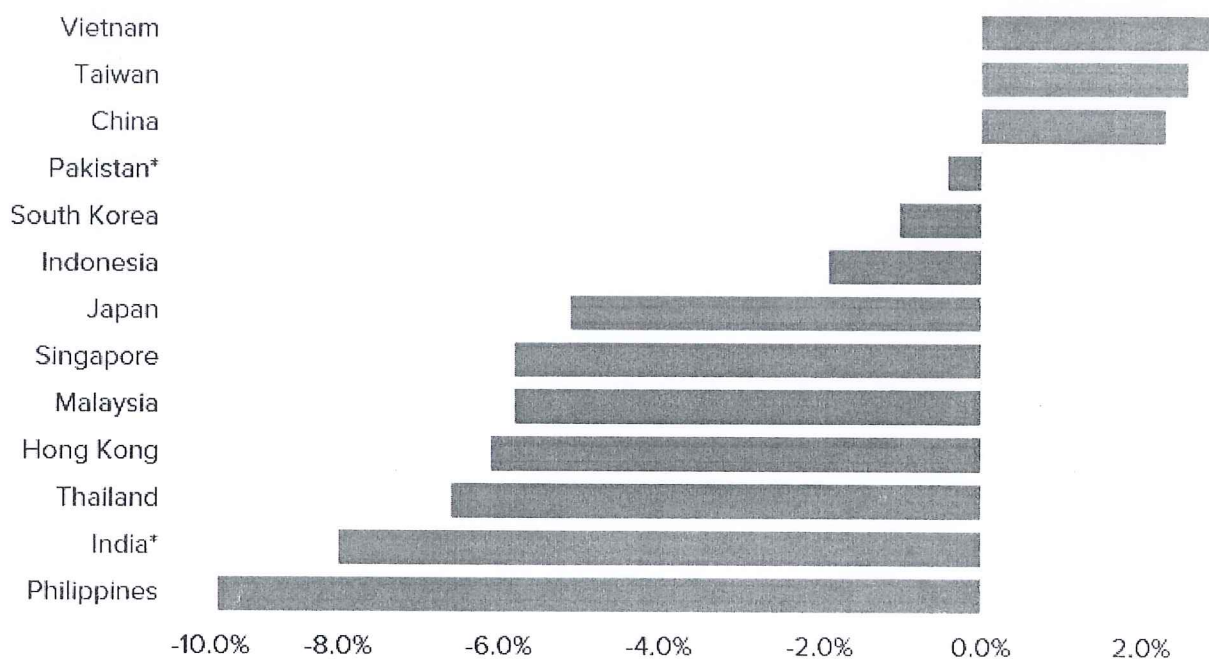
Kinh tế - xã hội năm 2020 của nước ta diễn ra trong bối cảnh dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (Covid-19) bùng phát mạnh và diễn biến khó lường trên phạm vi toàn cầu đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới. GDP năm 2020 tăng 2,91% (Quý I tăng 3,68%; quý II tăng 0,39%; quý III tăng 2,69%; quý IV tăng 4,48%), tuy là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011-2020 nhưng trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội thì đây là thành công lớn của Việt Nam với mức tăng trưởng năm 2020 thuộc nhóm cao nhất thế giới. Điều này cho thấy tính đúng đắn trong chỉ đạo, điều hành khôi phục kinh tế, phòng chống dịch bệnh và sự quyết tâm, đồng lòng của toàn bộ hệ thống chính trị, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự nỗ lực, cố gắng của người dân và cộng đồng doanh nghiệp để thực hiện có hiệu quả mục tiêu “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế - xã hội”.



Năm 2020 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế thế giới nói chung, trong đó có Việt Nam. Kinh tế thế giới được dự báo suy thoái nghiêm trọng nhất trong lịch sử, tăng trưởng của các nền kinh tế lớn đều giảm sâu do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì tăng trưởng. Nền kinh tế Việt Nam vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề cần phải giải quyết. Với độ mở lớn, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng nên mọi biến động của kinh tế thế giới đều tác động đến các lĩnh vực kinh tế – xã hội nước ta. Dịch Covid-19 tuy được khống chế ở Việt Nam nhưng còn diễn biến phức tạp trên thế giới, các hoạt động sản xuất, cung ứng và lưu chuyển thương mại, hàng không, du lịch, lao động và việc làm bị đình trệ, gián đoạn. Bên cạnh đó, xuất khẩu tăng trưởng nhưng chưa đảm bảo tính bền vững, năng suất lao động vẫn ở mức thấp... Do vậy, nước ta vẫn đang tập trung thực hiện mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch bệnh hiệu quả, vừa tận dụng tốt các cơ hội, nỗ lực phục hồi và phát triển kinh tế – xã hội trong trạng thái bình thường mới

Cơ cấu kinh tế năm 2020 tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản; tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng và ngành dịch vụ. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 14,85%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 33,72%; khu vực dịch vụ chiếm 41,63%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,8% (Cơ cấu tương ứng của năm 2019 là: 13,96%; 34,49%; 41,64%; 9,91%).

2020 GDP growth/contraction of major Asian economies



SOURCE: Vietnam's General Statistics Office, Central Bank of the Republic of China (Taiwan), National Bureau Statistics of China, Bank of Korea, Singapore's Ministry of Trade and Industry, Hong Kong's Census and Statistics Department, Philippine Statistics Authority, IMF World Economic Outlook (Jan 2021)

*Data for India and Pakistan are on fiscal year 2020/2021 basis



3. Triển vọng năm 2021:

Nền kinh tế toàn cầu

Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) nhận định tăng trưởng toàn cầu năm 2020 giảm 4,4%, mức giảm thấp hơn so với dự báo đưa ra trong tháng 6 năm 2020 (-4,9%). Điều chỉnh tích cực này là do tăng trưởng GDP Quý II tại các nền kinh tế phát triển tốt hơn dự kiến và các chỉ tiêu cho thấy sự phục hồi

manh mẽ hơn trong Quý III. Dự báo tăng trưởng toàn cầu đạt 5,2% trong năm 2021. Tăng trưởng nhóm các nền kinh tế phát triển được dự báo giảm 5,8% năm 2020, nhưng sẽ tăng lên mức 3,9% trong năm 2021. Đối với các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi, tăng trưởng được dự báo ở mức -3,3% năm 2020 và tăng lên 6% năm 2021.

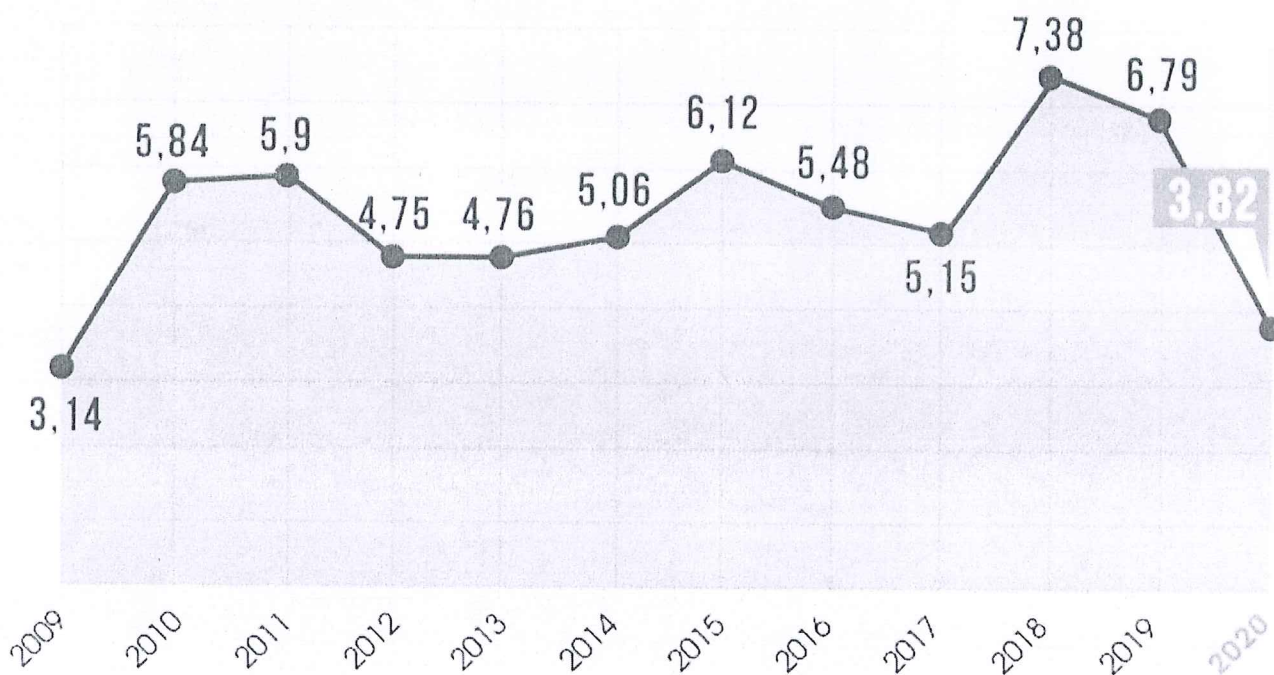
Nền kinh tế khu vực Asean

Các chuyên gia kinh tế cho rằng tác động của Covid-19 đến nền kinh tế các nước Đông Nam Á tùy thuộc vào mức độ lây lan của dịch bệnh ở từng quốc gia. Đến nay, qua các số liệu được công bố chính thức, thì hầu hết các nước ở khu vực này đang kiểm soát dịch khá tốt. Các nền kinh tế Đông Nam Á lại phụ thuộc quá nhiều vào xuất khẩu để duy trì mức tăng trưởng cao. Điều đó khiến cho kinh tế Đông Nam Á bị ảnh hưởng mạnh mẽ do nhu cầu nhập khẩu từ các thị trường khác giảm sút.

Nền kinh tế Việt Nam

GDP quý I-2020 của Việt Nam tăng 3,28%, thấp nhất kể từ năm 2009, vẫn được xem là điểm sáng trong bối cảnh kinh tế toàn cầu lao dốc do đại dịch Covid-19.

Tăng trưởng GDP quý I giai đoạn 2009-2020 (%)



Theo nhóm nghiên cứu NCIF, các động lực tăng trưởng kinh tế năm 2021 gồm: ngăn chặn thành công dịch bệnh, giữ ổn định kinh tế vĩ mô làm nền tảng cho quá trình phục hồi kinh tế; sự phục hồi các thị trường đối tác lớn Mỹ, EU, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc sẽ hỗ trợ gia tăng xuất khẩu; động lực từ sự mở cửa nền kinh tế với hàng loạt FTA đã được ký kết, đặc biệt EVFTA là nhân tố tích cực hỗ trợ kinh tế Việt Nam phục hồi; dòng vốn FDI đầu tư vào Việt Nam tăng mạnh trong bối cảnh chuyển dịch các chuỗi cung ứng sản xuất sang các quốc gia có chi phí thấp hơn như Việt Nam; đầu tư công tiếp tục được thúc đẩy khi có nhiều dự án hạ tầng lớn được xây dựng trong năm; khu vực công nghiệp xây dựng và dịch vụ sẽ tăng trưởng cao hơn.

IMF đã dự báo bước sang năm 2021, nền kinh tế Việt Nam sẽ có bước phục hồi mạnh mẽ với GDP dự kiến tăng lên 6,5% do nền kinh tế thế giới sẽ có sự mở cửa trở lại của các nền kinh tế lớn như

Hoa Kỳ, Nhật Bản và EU. Điều này sẽ giúp hàn gắn lại chuỗi cung ứng toàn cầu vốn đã bị phá hủy một phần do tác động của COVID-19, cũng như giúp gia tăng nhu cầu đối với các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam.

Việt Nam là nền kinh tế nhỏ, mở và dễ bị tổn thương, phụ thuộc nhiều vào những quốc gia đối tác và môi trường quốc tế, đặc biệt là trong thương mại và đầu tư. Những quốc gia này vừa đóng vai trò là nhà đầu tư, bạn hàng, thị trường đầu ra lẫn nhà cung cấp các yếu tố đầu vào cho các ngành sản xuất của Việt Nam như xăng dầu, linh kiện, máy móc, vật tư, nguyên vật liệu. Theo nhận định của các chuyên gia kinh tế, khi nền kinh tế Việt Nam quay trở lại với điều kiện vận hành bình thường, ngay cả trong kịch bản chống dịch thành công, thì hiệu quả, mức độ phục hồi như thế nào vẫn phải phụ thuộc rất lớn vào môi trường kinh doanh của thế giới.

Trong thời gian tới, triển vọng của Việt Nam được cho là tích cực khi nền kinh tế được dự báo tăng trưởng ở mức khoảng 6,8% trong năm 2021 và sẽ ổn định mức 6,5% các năm tiếp theo. Dự báo này của World Bank được đưa ra dựa trên giả định khủng hoảng COVID-19 sẽ dần được kiểm soát khi vắc xin COVID-19 phát huy hiệu quả.

II. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:

1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2020 qua một số chỉ tiêu chính:

1.1 Theo BCTC riêng năm 2020:

CHỈ TIÊU	Năm 2020		Đơn vị tính: đồng	
	Thực hiện	Kế hoạch	TH 2020 so với KH 2020	TH 2020 so với KH 2020
			+/-	%
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.861.778.553	13.579.000.000	(5.717.221.447)	58%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.861.778.553	13.579.000.000	(5.717.221.447)	58%
4. Giá vốn hàng bán	12.440.382.414	13.509.000.000	(1.068.617.586)	92%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(4.578.603.861)	70.000.000	(4.648.603.861)	-6541%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	285.023.223.888	290.577.000.000	(5.553.776.112)	98%
7. Chi phí tài chính	94.107.525.942	102.635.000.000	(8.527.474.058)	92%
Trong đó: Chi phí lãi vay	28.509.037.441	97.073.000.000	(68.563.962.559)	29%
8. Chi phí bán hàng	113.764.000	22.000.000	91.764.000	517%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	49.801.738.414	58.772.000.000	(8.970.261.586)	85%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	136.421.591.671	129.218.000.000	7.203.591.671	106%
13. Lợi nhuận khác	6.664.930.379	-	6.664.930.379	
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	143.086.522.050	129.218.000.000	13.868.522.050	111%
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	143.086.522.050	129.218.000.000	13.868.522.050	111%

1.2 Theo BCTC hợp nhất năm 2020:

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2020		TH 2020 so với KH 2020	
	Thực hiện	Kế hoạch	+/-	%
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	962.677.072.202	1.389.356.000.000	(426.678.927.798)	69%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	1.153.617.782	-	1.153.617.782	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	961.523.454.420	1.389.356.000.000	(427.832.545.580)	69%
4. Giá vốn hàng bán	864.401.899.968	1.122.589.000.000	(258.187.100.032)	77%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	97.121.554.452	266.767.000.000	(169.645.445.548)	36%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	189.959.102.851	16.003.000.000	173.956.102.851	1187%
7. Chi phí tài chính	22.102.262.771	82.178.000.000	(60.075.737.229)	27%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>14.876.922.963</i>	<i>82.178.000.000</i>	<i>(67.301.077.037)</i>	<i>18%</i>
Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	278.975.094.297	189.047.000.000	89.928.094.297	148%
8. Chi phí bán hàng	24.884.366.311	29.624.000.000	(4.739.633.689)	84%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	97.580.689.240	152.610.000.000	(55.029.310.760)	64%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	421.488.433.278	207.405.000.000	214.083.433.278	203%
11. Thu nhập khác	26.914.830.504	7.361.000.000	19.553.830.504	366%
12. Chi phí khác	1.020.600.620	-	1.020.600.620	
13. Lợi nhuận khác	25.894.229.884	7.361.000.000	18.533.229.884	
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	447.382.663.162	214.766.000.000	232.616.663.162	208%
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.962.318.962	39.762.000.000	(32.799.681.038)	18%
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	9.737.133.881	612.000.000	9.125.133.881	1591%
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	430.683.210.319	174.392.000.000	256.291.210.319	247%
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	428.478.087.521	173.293.000.000	255.185.087.521	247%
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	2.205.122.798	1.099.000.000	1.106.122.798	201%
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.400	578	822	242%

2. Đánh giá kết quả kinh doanh năm 2020:

+ **Doanh thu tài chính giảm so với kế hoạch:** trong năm 2020, Tổng Công ty đã nhận được cổ tức từ các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết là hơn 256 tỷ đồng. Cụ thể:

I. Cổ tức từ các công ty con	Số tiền
Công Ty CP TM Tổng Hợp Thuận An	1.664.520.000
Công Ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú	16.319.522.249
Công Ty TNHH MTV Quốc Tế Protrade	60.645.190.674
II. Cổ tức từ các công ty liên doanh, liên kết	
Công Ty Cổ Phần Hưng Vượng	4.635.180.000
Công Ty CP May Mặc Bình Dương	38.134.323.500
Công Ty TNHH Friesland Campina Việt Nam	135.000.000.000
III. Cổ tức từ các khoản đầu tư khác	
Công Ty CP Cơ Khí Vận Tải Cao Su Dầu Tiếng	70.700.000
TỔNG CỘNG	256.469.436.423

Trong đó, đóng góp từ Công ty cổ phần May mặc Bình Dương với cổ tức được chia là hơn 38 tỷ đồng mặc dù kế hoạch kinh doanh trong kỳ của công ty này là không chia cổ tức do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú tăng 10 tỷ đồng cổ tức so với kế hoạch. Trong khi đó, Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade không hoàn thành kế hoạch chia lợi nhuận cho năm 2020 do không hoàn thành kế hoạch kinh doanh trong năm vì ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch Covid-19. Cổ tức chia cho Tổng công ty chỉ đạt 43% so với kế hoạch. Bên cạnh đó, trong năm Tổng công ty ghi nhận doanh thu tài chính do chênh lệch tỷ giá từ khoản cho vay bằng ngoại tệ với Công ty cổ phần Hưng Vượng với số tiền là 6,4 tỷ đồng và lãi tiền gửi với số tiền là hơn 20,4 tỷ đồng do thu tiền hủy hợp đồng mua 19% cổ phần của công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành từ Công ty cổ phần Hưng Vượng và ông Đặng Công Thanh.

+ **Chi phí tài chính giảm:** trong năm 2020, chi phí lãi vay giảm đáng kể so với kế hoạch. Theo đó, chi phí lãi vay chỉ phát sinh ở mức 28,5 tỷ đồng chiếm 29% so với kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu là Tổng công ty đã thanh toán hơn 950 tỷ đồng gốc vay ngân hàng, vay các công ty khác do thu được tiền từ Công ty cổ phần Hưng Vượng và ông Đặng Công Thanh cũng như tiền cho vay bằng ngoại tệ của Công ty cổ phần Hưng Vượng. Bên cạnh đó, Tổng công ty tiếp tục thực hiện việc trích lập dự phòng các khoản đầu tư vào công ty con (năm 2020, Tổng công ty nâng tỷ lệ sở hữu trong Công ty cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào từ 40% lên 50,5%) và các công ty liên doanh, liên kết với tổng chi phí là hơn 58,8 tỷ đồng theo hướng dẫn của Thông tư 48/2019/BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính (thay thế cho Thông tư 228/2009). Cụ thể từng khoản trích lập dự phòng như sau:

Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu	Số dự phòng
+ Công ty TNHH MTV Sân Golf Palm Sông Bé	100%	6.620.521.961
+ CTCP Bệnh viện đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc	24%	(9.603.489.522)
+ CTCP Đầu tư và Phát triển Tân Thành (Golf Thái Hòa)	30%	15.801.230.100
+ CTCP Phát triển Phú Mỹ (Golf Phú Mỹ)	35%	18.083.680.203
+ CTCP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	50,5%	27.915.062.334
TỔNG CỘNG		58.817.005.076

Chi phí quản lý doanh nghiệp: chi phí quản lý doanh nghiệp Thực hiện năm 2020 chiếm 85% so với Kế hoạch năm 2020 chủ yếu là do Tổng công ty đã tiết giảm các khoản chi tiêu, giảm các khoản thuê chuyên gia nước ngoài và đóng cửa xí nghiệp Cơ điện lạnh 3/2 nên tiết giảm được chi phí lương và các khoản trích theo lương khoản 5,5 tỷ đồng.

STT	Khoản mục chi phí	Số tiền	%
1	Chi phí công cụ, dụng cụ	177.714.701	0%
2	Chi phí nhân công	20.394.144.122	41%
3	Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.435.494.812	3%
4	Hoàn nhập dự phòng	(6.600.000.000)	13%
5	Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	0%
6	Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.356.732.692	27%
7	Chi phí khác bằng tiền	1.732.669.258	3%
8	Lợi thế kinh doanh phân bổ	19.301.982.829	39%
TỔNG CỘNG		49.801.738.414	100%

3. Tình hình đầu tư

Trong năm, Tổng công ty đã đàm phán với Công ty cổ phần Hưng Vượng để mua 10,5% cổ phần của Công ty cổ phần Hưng Vượng trong Công ty cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào để nâng tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty trong Công ty cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào từ mức 40% lên mức 50,5%.

4. Đánh giá tình hình tài chính

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu như sau:

Các chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019
1. Hệ số khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,69	0,95
- Hệ số thanh toán nhanh	0,58	0,86
- Hệ số khả năng thanh toán bằng tiền	0,35	0,02
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,30	0,43
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,44	0,75
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
- Vòng quay HTK	0,08	0,12
- Tổng doanh thu/Tổng tài sản	0,07	0,12
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số LNST/Tổng doanh thu	48%	11%
- Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE)	4,8%	2,2%
- Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu và vay dài hạn	4,8%	1,9%
- Hệ số LSNT/Tổng tài sản (ROA)	3,2%	1,3%

Tóm lại: mặc dù các công ty được sở hữu bởi Tổng công ty tiếp tục bị ảnh hưởng đáng kể của đại dịch Covid-19 nhưng một số công ty đã phục hồi kể từ quý 3 năm 2020 và tiếp tục kinh doanh thuận lợi trong quý còn lại của năm 2020 và góp phần hoàn thành và vượt kế hoạch cổ tức đề ra bên cạnh một số công ty thành viên gặp bất lợi bởi đại dịch Covid-19 và không hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận đã đề ra cho năm 2020. Hơn nữa, Tổng công ty đã tích cực thu hồi toàn bộ khoản phải thu khi hủy hợp đồng mua 19% cổ phần của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển

Tân Thành từ Công ty cổ phần Hưng Vượng và ông Đặng Công Thanh cũng như đã thu hồi toàn bộ khoản cho vay bằng ngoại tệ cũng như khoản lãi do chậm thanh toán đối với Công ty cổ phần Hưng Vượng đến thời điểm báo cáo.

5. Nội dung khác:

Ngày 16/01/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương đã ra quyết định khởi tố bị can để điều tra đối với bốn lãnh đạo và nguyên lãnh đạo của Tổng Công ty liên quan đến hành vi "Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí" quy định tại khoản 3, Điều 219, Bộ luật hình sự năm 2015. Quyết định khởi tố, bắt tạm giam đã được Viện Kiểm sát nhân dân tối cao phê chuẩn ngày 15/01/2021.

III. Kế hoạch kinh doanh năm 2021:

1. Kế hoạch kinh doanh trên BCTC riêng & hợp nhất năm 2021 dự kiến như sau:

1.1. Kế hoạch kinh doanh trên BCTC riêng năm 2021:

CHỈ TIÊU	Năm 2021		Năm 2020		KH 2021 vs	
	(ước tính)	%/DTT	(đã kiểm toán)	%/DTT	TH 2020	%
	VND		VND			
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	32.933.000.000		7.861.778.553		25.071.221.447	319%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-		-		-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	32.933.000.000		7.861.778.553		25.071.221.447	319%
4. Giá vốn hàng bán	37.529.000.000	114%	12.440.382.414	158%	25.088.617.586	202%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(4.596.000.000)		(4.578.603.861)	-58%	(17.396.139)	0%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	378.838.000.000	1150%	291.408.029.061	3707%	87.429.970.939	30%
7. Chi phí tài chính	71.922.000.000	218%	94.107.525.942	1197%	(22.185.525.942)	-24%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>41.860.000.000</i>	<i>127%</i>	<i>28.509.037.441</i>	<i>363%</i>	<i>13.350.962.559</i>	<i>47%</i>
8. Chi phí bán hàng	1.500.000.000	5%	113.764.000	1%	1.386.236.000	1219%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	63.064.000.000	191%	49.801.738.414	633%	13.262.261.586	27%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	237.756.000.000 [✓]	722%	142.806.396.844	1816%	94.949.603.156	66%
11. Thu nhập khác	-	0%	512.146.078	7%	(512.146.078)	-100%
12. Chi phí khác	-	0%	232.020.872	3%	(232.020.872)	-100%
13. Lợi nhuận khác	- [✓]	0%	280.125.206	4%	(280.125.206)	-100%
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	237.756.000.000 [✓]	722%	143.086.522.050	1820%	94.669.477.950	66%
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	237.756.000.000 [✓]	722%	143.086.522.050	1820%	94.669.477.950	66%

1.2. Kế hoạch kinh doanh trên BCTC hợp nhất năm 2021:

CHỈ TIÊU	Năm 2021 (ước tính)	Năm 2020 (đã kiểm toán)	KH 2021 vs TH 2020	%
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.833.930.000.000	962.677.072.202	(871.252.927.798)	-91%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	1.153.617.782	1.153.617.782	100%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.833.930.000.000	961.523.454.420	(872.406.545.580)	-91%
4. Giá vốn hàng bán	1.483.250.000.000	864.401.899.968	(618.848.100.032)	-72%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	350.680.000.000	97.121.554.452	(253.558.445.548)	-261%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	43.307.000.000	189.959.102.851	146.652.102.851	77%
7. Chi phí tài chính	90.980.000.000	22.102.262.771	(68.877.737.229)	-312%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>81.843.000.000</i>	<i>14.876.922.963</i>	<i>(66.966.077.037)</i>	<i>-450%</i>
<i>Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết</i>	<i>228.024.000.000</i>	<i>278.975.094.297</i>	<i>50.951.094.297</i>	<i>18%</i>
8. Chi phí bán hàng	47.840.000.000	24.884.366.311	(22.955.633.689)	-92%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	152.991.000.000	97.580.689.240	(55.410.310.760)	-57%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	330.200.000.000	421.488.433.278	91.288.433.278	22%
11. Thu nhập khác	480.000.000	26.914.830.504	26.434.830.504	98%
12. Chi phí khác	5.070.000.000	1.020.600.620	(4.049.399.380)	-397%
13. Lợi nhuận khác	(4.590.000.000)	25.894.229.884	30.484.229.884	118%
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	325.610.000.000	447.382.663.162	121.772.663.162	27%
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	41.227.000.000	6.962.318.962	(34.264.681.038)	-492%
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(48.000.000)	9.737.133.881	9.785.133.881	100%
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	284.431.000.000	430.683.210.319	146.252.210.319	34%
<i>Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ</i>	<i>281.265.000.000</i>	<i>428.478.087.521</i>	<i>(147.213.087.521)</i>	<i>-34%</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát</i>	<i>3.166.000.000</i>	<i>2.205.122.798</i>	<i>960.877.202</i>	<i>44%</i>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	938	1.400	(462)	-33%

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021:

Căn cứ vào kế hoạch lợi nhuận của BCTC riêng năm 2021 đã được báo cáo, Ban TGD đề xuất kế hoạch phân phối lợi nhuận như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5% LNST năm 2021
Quỹ đầu tư phát triển	5% LNST năm 2021
Quỹ thưởng ban điều hành	405.000.000 đồng
Thù lao HĐQT, BKS, các tiểu ban thuộc HĐQT, người quản trị công ty	2.592.000.000 đồng
Chia cổ tức	180.000.000.000 đồng

Kính thưa quý cổ đông, trên đây là báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương – CTCP. Ban điều hành và toàn thể nhân viên Tổng công ty sẽ nỗ lực hết mình để hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã được toàn thể cổ đông giao phó.

Kính trình đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT & BKS;
- Lưu: VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN AN ĐỊNH